

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển điện miền Bắc 3 <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].</i>
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: - Xây dựng nhà điều hành thủy điện Nậm Đông III, công trình cấp III, 2 tầng, chiều cao 9,8m với tầng 1 là 3,9m, tầng 2 là 3,6m. Chiều dài nhà 25,2m, chiều rộng nhà 10m với diện tích sàn sử dụng là 504m ² , bước gian 3,6m, hành lang rộng 2,2m. - Xây dựng các hạng mục phụ trợ: Hàng rào, cổng, sân, cống...
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai và được xác định trong Bản vẽ số kèm theo HSMT.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 180 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 180 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Muộn nhất 07 ngày sau ngày ký hợp đồng.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</i>
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Không áp dụng; - Tư vấn giám sát là: <i>Cập nhật sau khi có nhà thầu</i>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Hồ sơ thiết kế, các tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có). - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày

	thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm một trong các thỏa thuận ghi trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Bên B; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: - Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực sau 28 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng cuối cùng. - Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5% Giá trị hợp đồng cuối cùng. - Thời gian bảo hành công trình: tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhà thầu hoàn thành các công việc của hợp đồng và các Bên ký biên bản xác nhận nhà thầu đã hoàn thành lắp đặt không còn tồn tại sau đóng điện.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 10 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 30 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ:_____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ_____ <i>[ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)]</i> .
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: + Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba. + Đối với VTTB cung cấp, lắp đặt cho công trình: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển tới chân công trình.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhà thầu hoàn thành các công việc của hợp đồng và các Bên ký biên bản xác nhận hoàn thành công trình.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Xây dựng nhà điều hành Nhà máy thủy điện Nậm Đông III (xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai).
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Sau khi nhận bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một khoảng thời gian khác do hai bên tự thỏa thuận kể từ khi tranh chấp phát sinh. Giải quyết tranh chấp: Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên

	nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải thì sẽ được giải quyết thông qua Toà án Kinh tế TP Hà Nội. Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí. Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Muộn nhất là 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng khi đủ điều kiện thi công. - Ngày hoàn thành dự kiến: 180 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 30 ngày 1 lần hoặc trường hợp tiến độ thi công thực tế không đáp ứng yêu cầu, trong vòng 07 ngày nhà thầu phải trình Chủ đầu tư chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết điều chỉnh đáp ứng đúng thời gian thực hiện gói thầu. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 47.000.000 VNĐ.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư thiết bị do nhà thầu cung cấp phải được kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa tại xưởng/nhà máy trước khi giao hàng và lắp đặt như quy định trong Tiêu chuẩn kỹ thuật. - Việc kiểm tra, kiểm nghiệm hàng hóa, vật tư (nếu có): Theo quy định tại Chương V-E-HSMT. - Đối với Hồ sơ kiểm soát chất lượng của nhà thầu (theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng) sẽ được nộp sau 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>Theo đơn giá cố định.</i>

E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: 30% giá trị hợp đồng trước thuế - Thời gian tạm ứng: Trong vòng 30 ngày kể từ khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau: + Công văn đề nghị tạm ứng của Nhà thầu: 03 bản gốc + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 03 bản sao y của ngân hàng phát hành. + Bảo lãnh trả trước có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng: 01 bản gốc và 03 bản sao y của Ngân hàng phát hành; *) Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (bảo lãnh trả trước) được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và phải do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam hoặc một Ngân hàng nước ngoài (được Chủ đầu tư chấp nhận) phát hành, theo mẫu đã quy định trong Hợp đồng. + Bảo lãnh trả trước có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng và là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và phải có hiệu lực đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết tiền tạm ứng. *) Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. + Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản • Bên A sẽ thanh toán cho bên B thành một hoặc nhiều lần dựa trên đề nghị của nhà thầu và căn cứ vào tiến độ thực hiện, cơ sở đơn giá hợp đồng, khối lượng được nghiệm thu và chất lượng của từng lần thanh toán (bao gồm cả tạm ứng). Tuy nhiên đảm bảo tổng giá trị của tất cả các lần thanh toán không vượt quá 95% giá trị Hợp đồng trước thuế (bao gồm cả giá trị tạm ứng) và 100% thuế VAT (Việc thanh toán thuế VAT sẽ được thực hiện riêng); Bên A có trách nhiệm thẩm tra, xem xét và thanh toán cho bên B trong thời gian không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ

	thanh toán do bên B lập: + Công văn đề nghị thanh toán: 02 bản gốc; + Hóa đơn GTGT: 01 bản gốc và 05 bản sao; + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Phụ lục 03a, 03c của Nghị định 99/2021-NĐ-CP ngày 11/11/2021: 06 bản gốc; + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có đại diện bên A, B ký và đóng dấu: 06 bản gốc + Nhật ký thi công 01 gốc và 05 bản sao; + Bản vẽ hoàn công: 06 bộ gốc; + Chứng chỉ chất lượng, số lượng của Nhà sản xuất (C/Q): 01 file scan bản gốc và 01 bản sao y công chứng (đối với hàng hóa nhập khẩu: ...), 01 gốc và 01 bản sao y của nhà cung cấp (đối với hàng hóa trong nước); + Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (C/O): 01 file scan bản gốc và 01 bản sao y công chứng (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài) (Nếu có); + Vận đơn (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài) (Nếu có): 01 bản sao y của nhà nhập khẩu; + Báo cáo thử nghiệm xuất xưởng được ban hành bởi Nhà sản xuất: 01 bản gốc và 05 bản sao y của nhà cung cấp; + Chứng nhận bảo hành của Nhà sản xuất hoặc Nhà cung cấp: 01 bản gốc và 05 bản sao y của nhà cung cấp; + Đối với các vật tư là vật liệu thô (Cát, đá, sỏi...): Bên B cung cấp hồ sơ thí nghiệm (các test thí nghiệm) và các hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa: 01 bản gốc và 04 bản sao y; + Hồ sơ quản lý chất lượng vật tư theo yêu cầu được quy định tại E-ĐKC 33.2: 01 bản gốc và 05 bản sao. Thanh toán giá trị còn lại như sau: • Giá trị còn lại của Hợp đồng sẽ được thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 15 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình hoặc cung cấp cho Chủ đầu tư: - Bảo lãnh bảo hành có giá trị 5% giá trị hợp đồng (Đã bao gồm VAT): 01 bản gốc và 05 bản sao của ngân hàng phát hành.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%

E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước về sửa đổi, bổ sung hợp đồng.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: Do vi phạm chất lượng công trình: Bên B phải chịu mọi chi phí thực hiện để thực hiện lại công việc không đạt chất lượng và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của Bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 10% giá trị phần HĐ bị vi phạm. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt theo quy định. Do chậm tiến độ: Trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau: - Phạt 0,5% giá trị xây lắp bị vi phạm cho mỗi tuần chậm tiến độ; - Khi Bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biên pháp tổ chức thi công thì bị phạt như quy định tại E-ĐKC 29.4. Trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu quy định tại Mục 57 E-ĐKC, Chủ đầu tư sẽ đăng tải Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đồng thời đánh giá chất lượng thực hiện hợp đồng của nhà thầu định kỳ/hàng năm của Tổng công ty điện lực miền Bắc làm cơ sở đánh giá Uy tín của nhà thầu trong công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu tiếp theo. Ngoài ra: - Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra. - Các vướng mắc trong thi công gói thầu, bên A triệu tập bên B họp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện hợp pháp bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.

E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: không áp dụng.
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đóng điện đưa vào vận hành.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: 30 ngày sau ngày hoàn thành.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 47.000.000 VNĐ.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.